TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1995. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
2. Bị đơn: Anh Danh C, sinh năm 1992. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ hiện nay: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên chị Võ Thị Kim T *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây giữa chị và anh Danh C có thời gian quen biết tìm hiểu tình cảm với nhau, sau đó tiến tới chung sống với nhau vào năm 2017; Hôn nhân do anh chị tự nguyện, vì khó khăn về tài chính nên chị và anh C không có tổ chức đám cưới; đến ngày 22/5/2018 được UBND xã Đ, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69. Chị và anh Danh C chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống chị và anh C thường hay bất đồng ý kiến, quan điểm, không có tiếng nói chung, anh C thường hay nhậu nhẹt bê tha; ngoài

ra anh C còn có quen biết người khác và không quan tâm đến gia đình; chị đã nhiều lần khuyên nhưng không được; từ tháng 03/2020 cho đến nay chị và anh Danh C đã sống ly thân với nhau.

Nay, chị xét thấy không thể hàn gắn được và tôi không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Danh C.

- Về con chung: Chị và anh Danh C chung sống có 02 con chung tên là Danh Võ Kiều T1 (giới tính nữ), sinh ngày 12/7/2018 và cháu Danh Võ Minh T2 (giới tính nam), sinh ngày 07/9/2019, hiện nay hai cháu đang ở cùng với anh C và gia đình bên nội. Ly hôn chị đồng ý giao hết 02 con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành thành, chị yêu cầu đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con theo pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị xác định trong quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khẳng định trong quá trình chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

** Tại bản tự khai ngày 02/6/2023 bị đơn anh* D *Công trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất giữa anh và chị Võ Thị Kim T có kết hôn với nhau và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 22/5/2018. Chung sống có nhiều mâu thuẫn nên nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Kim T.

- Về con chung: Anh và chị T chung sống có 02 con chung tên là Danh Võ Kiều T1 (giới tính nữ), sinh ngày 12/7/2018 và cháu Danh Võ Minh T2 (giới tính nam), sinh ngày 07/9/2019, hiện nay hai cháu đang ở cùng với anh. Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành thành, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con và anh đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con cho chị T theo pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định trong quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Kim T xin ly hôn đối với anh Danh C. Nơi bị đơn anh Danh C cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T và anh Danh C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới; anh chị có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đ, huyện G theo giấy chứng

nhận kết hôn số 69, ngày 22/5/2018, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Danh C vì lý do vợ chồng có nhiều bất đồng ý kiến, quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên không còn hòa hợp. Ngoài ra, anh C còn quen người khác không quan tâm đến gia đình. Do có quá nhiều bất đồng nên giữa anh chị đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Đối với anh C, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh C đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm với anh C và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn; mặt khác anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

[5] Về con chung: Chị Võ Thị Kim T và anh Danh C xác định vợ chồng anh chị chung sống có 02 con chung tên là Danh Võ Kiều T1 (giới tính nữ), sinh ngày 12/7/2018 và cháu Danh Võ Minh T2 (giới tính nam), sinh ngày 07/9/2019; hiện nay cháu T1 và cháu T2 đang sống với anh C; Chị T và anh C đều thống nhất sau khi ly hôn sẽ giao cháu T1 và cháu T2 cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận này là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim T và anh D Công trình bày thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng anh chị cũng không có nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7]: Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị Võ Thị Kim T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Danh C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Danh Võ Kiều T1 (giới tính nữ), sinh ngày 12/7/2018 và cháu Danh Võ Minh T2 (giới tính nam), sinh ngày 07/9/2019 cho anh Danh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Kim T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị T thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim T phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006743, ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- Viện KSND H. Gò Quao;
- Chi cục THADS H. Gò Quao;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn